TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **17**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1987; địa chỉ: đường U, khu phố 1, phường S, thành phố G, tỉnh K (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện T, tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Hoàng T trình bày: Năm 2013 anh và chị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Giữa anh chị có 01 người con chung là Lê Hoàng Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 16/9/2013, cháu Ng đang sống chung với chị N. Nhiều năm nay anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh chị không thể chung sống với nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ ai.

Bị đơn chị Lê Thị Kiều N trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh T về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân và mối quan hệ con chung. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý, chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi, không cấp dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N; về con chung tại phiên tòa anh chị thống nhất giao cháu Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn anh T yêu cầu ly hôn với chị N và yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Năm 2013 anh, chị cưới nhau theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Như vậy pháp luật không công nhận là quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị Kiều N. Giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh T và chị N. Theo đó, giữa anh và chị không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị N có 01 người con chung tên Lê Hoàng Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 16/9/2013, cháu Ng đang sống chung với chị N. Giữa anh chị thỏa thuận giao cháu Ng cho anh T nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy anh T có công việc ổn định, hiện tại anh đang làm việc tại doanh nghiệp xăng dầu huyện An Biên có mức thu nhập đảm bảo nuôi con. Còn chị N do đi làm ăn xa nhà nên không có đủ điều kiện trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị Kiều N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 16/9/2013 cho anh Lê Hoàng T nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: anh Lê Hoàng T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005584 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng